BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
VIỆN ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI HẾT HỌC PHẦN

Khoa: Luật
Ngành học: Luật kinh tế
Bậc học: ĐẠI HỌC
Hệ đào tạo: Đại học Chính qui
Tên học phần: Luật Đất đai Việt Nam
Mã học phần: CNBLK17
Học kì:..... Năm học:.....
Ngày thi: 09/12/2016
Địa điểm học tập:Tòa nhà D, 193 Vĩnh Hưng, Hoàng Mai, Hà Nội
Phòng thi: P2.2
Mã DS: 3266

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP CN	ĐIỂM			ĐIỂM HỌC PHẦN	GHI CHÚ
					Chuyên cần	Giữa kỳ	Thi		
1	15A51010130	Đào Đức Anh	11/07/1997	KT1502	7	9	8	8.0	
2	15A51010104	Nguyễn Ngọc Anh	30/07/1997	KT1502	10	8	6	6.9	
3	15A51010145	Vũ Huyền Chang	25/12/1997	KT1502	7	8	6	6.5	
4	15A51010160	Lục Minh Chiến	05/12/1996	KT1502	10	7	6	6.8	
5	15A51010115	Đặng Tiến Dũng	21/06/1997	KT1502	0	7	0	1.1	
6	15A51010125	Nguyễn Hương Giang	20/10/1997	KT1502	10	6	8	8.0	
7	15A51010092	Nguyễn Văn Hiếu	11/06/1997	KT1502	4	6	5	5.0	
8	15A51010116	Nguyễn Thị Thanh Hoa	22/03/1997	KT1502	10	8	7	7.6	
9	15A51010142	Nguyễn Thị Huế	29/05/1997	KT1502	10	7	6	6.8	
10	15A51010144	Nguyễn Thúy Hường	10/09/1997	KT1502	7	7	7	7.0	
11	15A51010085	Nguyễn Thị Tú Khang	02/02/1997	KT1502	10	7	7	7.5	
12	15A51010151	Ngô Duy Khánh	04/11/1995	KT1502	7	4	7	6.6	
13	15A51010119	Nguyễn Trọng Khánh	13/09/1997	KT1502	10	8.5	5	6.3	
14	15A51010163	Nguyễn Tùng Lâm	21/03/1997	KT1502	10	5	7	7.2	
15	15A51010082	Nguyễn Thùy Linh	15/11/1997	KT1502	7	7	6	6.3	
16	15A51010149	Tạ Bình Minh	28/04/1995	KT1502	10	7	7	7.5	
17	15A51010155	Nguyễn Xuân Nam	07/10/1996	KT1502	7	8.5	7	7.2	
18	15A51010108	Công Quỳnh Nga	23/05/1997	KT1502	10	8	7	7.6	
19	15A51010148	Lê Thị Thúy Nga	12/12/1997	KT1502	7	8	6	6.5	
20	15A51010129	Nguyễn Thị Ngoan	04/03/1997	KT1502	10	7	6	6.8	
21	15A51010132	Đoàn Thị Ngọc	21/11/1997	KT1502	10	7	9	8.9	
22	15A51010091	Bùi Thị Thanh Nhàn	01/06/1997	KT1502	10	7	7	7.5	
23	15A51010111	Đinh Tuyết Nhi	03/01/1997	KT1502	7	7	8	7.7	
24	15A51010147	Vũ Hồng Phi	08/08/1997	KT1502	10	7	8	8.2	

Mã DS: 3266

STT	MÃ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP CN	ĐIỂM			ĐIỂM HỌC PHẦN	GHI CHÚ
					Chuyên cần	Giữa kỳ	Thi		
25	15A51010086	Hồ Bích Phương	27/07/1997	KT1502	10	6	6	6.6	
26	15A51010139	Lò Thảo Phương	15/06/1997	KT1502	10	7	8	8.2	
27	15A51010098	Nguyễn Thị Thảo Sương	19/07/1997	KT1502	10	7	7	7.5	
28	15A51010152	Nguyễn Tấn Thành	16/11/1997	KT1502	7	7	6	6.3	
29	15A51010105	Lưu Chiến Thắng	27/01/1997	KT1502	10	8	6	6.9	
30	15A51010089	Nguyễn Văn Tiệp	26/05/1997	KT1502	10	5	6	6.5	
31	15A51010136	Dương Thị Thu Trang	10/08/1997	KT1502	10	7	6	6.8	
32	15A51010103	Lê Thị Hoà Trang	01/09/1996	KT1502	10	8	6	6.9	
33	15A51010112	Lương Huyền Trang	03/06/1997	KT1502	10	8.5	8	8.4	
34	15A51010097	Nguyễn Thanh Trung	17/12/1995	KT1502	7	7	5	5.6	
35	15A51010120	Phạm Thị Tươi	06/02/1997	KT1502	10	7	6	6.8	

Số SV có trong danh sách: 35 Số SV đạt yêu cầu: 34 Số SV không đạt yêu cầu: 1

Lập biểu

Hà Nội, ngày ..... tháng ..... năm 20.....

CHỦ NHIỆM KHOA

Lê Quang Mạnh
16:35:50 17/12/2016